

Bản án số: 56/2021/HSST
Ngày: 29-12-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Kính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Thảo;

Ông Vi Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khả Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2021/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/HSST - QĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Hữu T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1973, tại huyện M, tỉnh Hoà Bình; nơi cư trú: Xóm N, xã Ch, huyện M, tỉnh Hoà Bình; nghề nghiệp: Giáo viên, trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã N; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Vũ Thị Nh (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử lý hành chính lần nào. Bị cáo là đảng viên sinh hoạt tại chi bộ trường Tiểu học và Trung học cơ sở N thuộc Đảng bộ xã N. Ngày 17/12/2021 đã bị xử lý kỷ luật Đảng hình thức khai trừ về hành vi nhận tiền của người khác để liên hệ xin việc. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/5/2021, tại ngoại từ ngày 17/5/2021 đến nay. Có mặt.

Bị hại:

- Bà Hà Thị H, sinh năm 1972, nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Hà Văn Th, sinh năm 1970, nơi cư trú: T3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Đại diện theo ủy quyền là anh Hà Cao C, sinh năm 1992, nơi cư trú: T3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Hữu T là giáo viên trường Tiểu học và học cơ sở xã N, có quan hệ quen biết với Nguyễn Hồng M giữ chức vụ Chánh văn phòng Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Hoà Bình. M có nói với T về việc M có khả năng xin biên chế vào ngành giáo dục. Do tin tưởng Nguyễn Hồng M nên đầu năm 2016 Phạm Hữu T đã đưa cho M 200.000.000 đồng nhờ M xin cho em vợ của T là Lộc Văn B vào biên chế ngành giáo dục. Khoảng tháng 5 năm 2016, T biết ông Hà Văn Th cùng là giáo viên đang có nhu cầu xin cho con vào biên chế giáo viên, T nói có khả năng nhờ người xin việc được cho con trai ông Th là Hà Cao C và gọi điện thoại trao đổi với M, M đồng ý xin việc cho Hà Cao C với chi phí là 200.000.000 đồng. Sau khi M đồng ý, T tự ý nâng số tiền lên và yêu cầu ông Th đưa cho T 230.000.000 đồng để xin việc cho Hà Cao C. Ông Th đồng ý, ngày 21/5/2021 đã đưa cho T 230.000.000 đồng cho T. Sau khi nhận được tiền, Phạm Hữu T chỉ giao cho Nguyễn Hồng M 200.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng T giữ lại chiếm đoạt để sử dụng cá nhân. Đến khoảng tháng 8 năm 2016, T nói chuyện với bà Hà Thị H và biết bà H đang có nhu cầu xin việc cho cháu là Hà Văn S vào biên chế giáo viên. T nói có khả năng nhờ người xin việc và gọi điện thoại cho M, M đồng ý xin việc cho Hà Văn S với chi phí là 200.000.000 đồng. Sau khi M đồng ý, T tự ý nâng số tiền lên và yêu cầu bà H đưa cho T 220.000.000 đồng để xin việc cho Hà Văn S. Bà H đồng ý và đã đưa cho T 220.000.000 đồng cho T. Sau khi nhận được tiền, Phạm Hữu T chỉ giao cho Nguyễn Hồng M 200.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng T giữ lại chiếm đoạt để sử dụng cá nhân. Tổng số tiền Phạm Hữu T chiếm đoạt là 50.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 71/CT - VKS ngày 04/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình truy tố bị cáo Phạm Hữu T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau.

Về tội danh, hình phạt:

- Đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hữu T từ 24 tháng đến 36 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 12 ngày tạm giam = 36 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã Ch nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thu nhập ổn định, đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo từ 05% đến 10% để sung quỹ nhà nước, theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại:

- Đối với 01 điện thoại Iphone màu bạc và 01 chứng minh nhân dân của Phạm Hữu T thu giữ trong quá trình điều tra, đây là tài sản của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo Phạm Hữu T.

- Về trách nhiệm dân sự: Ngày 17/5/2021, bà Hà Thị H đã nhận lại 20.000.000 đồng và anh Hà Cao C đã nhận lại 30.000.000 đồng do T chiếm đoạt. Bà H, anh C không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, đề nghị không xét đến.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu truy tố. Sau sự việc xảy ra đã thành khẩn khai báo mong được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã trình bày toàn bộ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ xác định: Phạm Hữu T đã nói với ông Th và bà H là mình có khả năng nhờ được người xin việc cho con, cháu của ông Th, và H. T đã gọi điện thoại cho M và M đồng ý xin việc với mức chi phí là 200.000.000 đồng 01 người. T đã đưa ra thông tin gian dối tự ý nâng số tiền thực tế đưa cho M lên và chiếm đoạt của ông Th 30.000.000 đồng, của bà Hiền 20.000.000 đồng. Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo Phạm Hữu T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ, hành vi phạm tội: Mặc dù với động cơ ban đầu nhằm giúp đồng nghiệp và người quen tìm việc làm cho người thân thông qua Nguyễn Hồng M. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của các bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết rõ mình không có chức vụ, quyền hạn trong việc tuyển dụng nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội để lấy tiền chi tiêu. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan nhà nước, nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội với 02 bị hại vào khoảng thời gian khác nhau nên thỏa mãn dấu hiệu thuộc tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác; bị cáo tích cực hợp

tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, có nơi cư trú và nơi làm việc ổn định rõ ràng, xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Do vậy xét thấy nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cho bị cáo được cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý cũng có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là giáo viên, có thu nhập ổn định bằng lương và các khoản phụ cấp theo quy định. Do vậy cần áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự, khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ nhà nước.

[7] Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Đối với 01 điện thoại Iphone màu bạc và 01 chứng minh nhân dân của Phạm Hữu T thu giữ trong quá trình điều tra, đây là tài sản của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Phạm Hữu T.

- Về trách nhiệm dân sự: Ngày 17/5/2021, bà Hà Thị H đã nhận lại 20.000.000 đồng và anh Hà Cao C đã nhận lại 30.000.000 đồng do T chiếm đoạt. Bà H, anh C không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi của Nguyễn Hồng M đã được xử lý bằng vụ án khác, do đó Hội đồng xét xử không xét đến.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Hữu T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh, hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hữu T 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 12 (mười hai) ngày tạm giam = 36 (ba mươi sáu) ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 28 (hai mươi tám) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày. Thời hạn chấp hành cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Ch nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Hữu T cho UBND xã Ch, huyện M, tỉnh Hoà Bình để giám sát và giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo Phạm Hữu T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Ch trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ Luật Hình sự, khấu trừ 05 % thu nhập bằng lương và các khoản phụ cấp thực tế hàng tháng của bị cáo để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Phạm Hữu T 01 điện thoại Iphone màu bạc được niêm phong trong 01 phong bì và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Hữu T.

(Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu, tình trạng, đặc điểm vật chứng được ghi trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 10/THA ngày 23/11/2021 giữa bên giao Công an tỉnh Hoà Bình, bên nhận Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu).

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Phạm Hữu T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh HB;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- Trại tạm giam CAT HB;
- Phòng Hồ sơ CAT HB;
- Cơ quan điều tra; CQ THA hình sự;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Chiềng Châu;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Bùi Văn Kính